Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

1.1. Tên gói thầu: Gói thầu số 04: Mua 4 bộ xuồng (tàu) cao tốc loại DT4 nhập kho dự trữ quốc gia tại các Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực: III, VIII, X, XIII.

1.2. Hàng hóa cung cấp: Mua 4 bộ xuồng (tàu) cao tốc loại DT4 nhập kho dự trữ quốc gia tại các Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực: III, VIII, X, XIII.

1.3. Địa điểm nhập hàng:

STT	Địa điểm nhập hàng	Số lượng (chiếc)
1	**Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực III:**	01
1.1	ĐK7.KV3 (kho Chùa Vẽ - phường Đông Hải, TP. Hải Phòng)	01
2	**Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực XIII:**	01
2.1	ĐK13.KV8 (kho Công nghệ phẩm – phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An)	01
3	**Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực X:**	01
3.1	ĐK4.KV10 (kho Hòa Khương – thôn Cẩm Toại Trung, xã Hòa Vang, TP. Đà Nẵng)	01
4	**Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực XIII:**	01
4.1	ĐK1.KV13 (kho Ninh Đa – xã Bắc Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa)	01
	Tổng cộng:	**4**

1.4. Thời gian thực hiện hợp đồng: Được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng (bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành).

1.5. Thời gian thực hiện gói thầu: 270 ngày liên tục kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ giao, nhận hàng tại cửa kho dự trữ quốc gia (có Biên bản kiểm tra hồ sơ kỹ thuật, Biên bản kiểm tra ngoại quan, Biên bản kiểm tra vận hành hàng đạt yêu cầu và Biên bản giao nhận hàng), không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ bảo hành.

1.6. Thời điểm tính phạt: Nhà thầu giao hàng từ ngày thứ 271 tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực thì bắt đầu tính phạt, mức phạt cụ thể theo quy định tại Mục 22 Chương VII của E-HSMT.

- Thời điểm bắt đầu tính phạt là từ ngày thứ 271 tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực trong trường hợp nhà thầu chưa hoàn thành việc giao hàng đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm 1.5 Mục 1 Chương này, mức phạt như sau:

+ Trường hợp hết thời hạn giao hàng theo quy định của hợp đồng mà nhà thầu không giao hàng (trừ trường hợp bất khả kháng) thì nhà thầu bị phạt bằng 8% giá trị hợp đồng và không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp hết thời hạn giao hàng theo quy định của hợp đồng mà nhà thầu chưa giao đủ số lượng đã nêu trong hợp đồng và không tiếp tục thực hiện hợp đồng thì nhà thầu bị phạt bằng 8% giá trị hàng giao thiếu và không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp hết thời hạn giao hàng theo quy định của hợp đồng mà nhà thầu vẫn chưa giao đủ số lượng đã nêu trong hợp đồng và có đề nghị tiếp tục giao hàng bằng văn bản, đồng thời được chủ đầu tư chấp thuận và gia hạn thực hiện hợp đồng thì nhà thầu bị phạt như sau:

* Mức phạt bằng 0,05%/ngày/giá trị hàng giao chậm.

* Tổng mức phạt tối đa là 8% giá trị hàng giao chậm.

Tiền phạt vi phạm hợp đồng (chủ đầu tư trừ vào tiền hàng phải thanh toán cho nhà thầu) được chủ đầu tư nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Trường hợp không tính phạt vi phạm hợp đồng Nhà thầu gặp sự kiện bất khả kháng (gọi tắt là sự kiện) dẫn đến không thể giao hàng trong thời hạn 270 ngày theo quy định của hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư và các Chi cục DTNN khu vực nhận hàng về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xả ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho chủ đầu tư và các Chi cục DTNN khu vực nhận hàng giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Yêu cầu chung:

a) Công dụng: Xuồng DT4 là phương tiện công tác dùng để cứu nạn hoạt động trên vùng biển cách bờ không quá 20 hải lý (vùng biển hạn chế III) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cao tốc QCVN 54: 2019/BGTVT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép QCVN 21: 2025/BGTVT.

b) Xuồng mới 100%, thời gian từ khi sản xuất đến khi nhập kho không lớn hơn 9 tháng.

c) Quy chuẩn áp dụng:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cao tốc QCVN 54: 2019/BGTVT;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép QCVN 21: 2025/BGTVT.

Trường hợp các quy chuẩn nêu trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy chuẩn được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

d) Tốc độ lớn nhất: ≥ 45 km/h.

đ) Sức chở: Tối đa chở 50 người (không bao gồm thuyền viên, người lái phương tiện và trẻ em dưới một tuổi) và 1 ô tô con hoặc 4500 kg.

2.2. Các yêu cầu kỹ thuật

2.2.1 Kết cấu thân xuồng đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cao tốc QCVN 54: 2019/BGTVT.

2.2.2 Vật liệu kết cấu xuồng: Vật liệu phục vụ cho kết cấu thân xuồng là hợp kim nhôm đóng tàu đáp ứng yêu cầu theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép QCVN 21: 2025/BGTVT (Phần 7A-Vật liệu); cụ thể:

- Hợp kim nhôm tấm đóng tàu: Không nhỏ hơn cấp 5083 H112 (giới hạn chảy quy ước 125 N/mm2);

- Hợp kim nhôm hình đóng tàu: Không nhỏ hơn cấp 6061 T6 (giới hạn chảy quy ước 115 N/mm2).

2.2.3 Kích thước chủ yếu của xuồng:

- Chiều dài lớn nhất: ≥ 14 m;

- Chiều rộng lớn nhất: ≥ 3,40 m;

- Chiều cao mạn, mớn nước đảm bảo yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cao tốc QCVN 54: 2019/BGTVT.

2.2.4 Trang thiết bị trên xuồng:

- Thiết bị lái: Xuồng bố trí hệ đẩy chân vịt bằng động cơ “đuôi tôm" gắn phía sau và bố trí hệ vô lăng lái, việc truyền động điều khiển từ vô lăng lái đến động cơ đẩy/hướng thông qua hệ cáp lái;

- Xuồng được trang bị 02 động cơ gắn sau đuôi, 02 động cơ điều khiển cùng lúc và cùng hướng lái;

- Thiết bị chằng buộc, thiết bị neo, thiết bị kéo neo: Đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cao tốc QCVN 54: 2019/BGTVT.

2.2.5 Trang thiết bị động lực và hệ thống máy xuồng:

- Hệ thống động lực: Máy thủy là động cơ diesel, hộp số cùng thiết bị truyền động và chân vịt kiểu chữ Z đồng bộ theo máy. Công suất động cơ: ≥ 260 sức ngựa (hp);

- Số lượng: 02 chiếc;

- Các hệ thống máy xuồng: Hệ thống khởi động, hệ thống nhiên liệu, hệ thống làm mát, hệ thống bôi trơn, hệ thống điều khiển, hệ thống khí xả, hệ thống hút khô, hệ thống thông hơi - đo, hệ thống chữa cháy đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cao tốc QCVN 54: 2019/BGTVT;

- Bình nhiên liệu có dung tích đủ để đảm bảo thời gian hoạt động liên tục của xuồng tối thiểu 5 h (giờ).

2.2.6 Yêu cầu về thiết bị điện:

- Điều kiện làm việc: Thiết bị điện phải làm việc tốt trong điều kiện môi trường thỏa mãn theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cao tốc QCVN 54: 2019/BGTVT và phù hợp điều kiện môi trường khu vực hoạt động của xuồng;

- Bố trí thiết bị điện: Đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cao tốc QCVN 54: 2019/BGTVT;

- Nguồn điện trên xuồng: Sử dụng nguồn điện ắc quy một chiều (DC) 12V và ắc quy một chiều (DC) 24V;

- Cáp điện: Cáp điện trên xuồng đều là loại chuyên dụng cho tàu biển, loại chịu nhiệt, chịu dầu, không lan truyền cháy. Việc lắp đặt cáp điện phải đáp ứng những yêu cầu sau:

+ Cáp điện phải có kết cấu đáp ứng các điều kiện ở vị trí lắp đặt. Cáp điện được đặt trong không gian mà dễ bị hư hỏng do cơ khí thì phải được bảo vệ thích hợp bằng các biện pháp như dùng vỏ bọc kim loại hữu hiệu;

+ Khi thi công cáp qua vách, boong cần thực hiện bằng các miếng đệm hoặc hộp đi cáp và các biện pháp khác để đảm bảo độ bền cơ khí của cáp và độ kín nước của boong, vách.

- Phụ tải: Các phụ tải điện một chiều (DC)12V-24V trên xuồng bao gồm:

+ Tối thiểu 02 đèn pha 100W;

+ Tối thiểu 01 đèn mạn trái 15W;

+ Tối thiểu 01 đèn mạn phải 15W;

+ Tối thiểu 01 đèn tín hiệu vàng 15W;

+ Tối thiểu 01 đèn trắng 15W (hợp nhất cột trước, cột sau);

+ Tối thiểu 01 đèn neo 15W;

+ Tối thiểu 02 đèn mất chủ động 15W;

+ Tối thiểu 01 còi điện 25W;

+ Tối thiểu 01 đèn chiếu sáng 15W;

+ Tối thiểu 01 bơm hút khô 120W;

+ Tối thiểu 01 bơm nước ngọt 120W;

+ Tối thiểu 01 ổ cắm 100W.

- Phụ tải thông tin vô tuyến điện: Xuồng có cấp hoạt động tại vùng biển hạn chế III cần trang bị tối thiểu:

+ 01 máy vô tuyến điện thoại VHF DSC;

+ 01 la bàn từ lái;

+ 01 phản xạ radar (SART);

+ 02 điện thoại vô tuyến điện 2 chiều VHF phục vụ tìm kiếm cứu nạn.

- Hệ thống phân phối: Hệ thống phân phối điện cho xuồng là hệ thống điện một chiều ba dây (DC) 12V - 24V.

2.2.7 Trang thiết bị phòng, phát hiện và chữa cháy: Trang bị đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cao tốc QCVN 54: 2019/BGTVT.

2.2.8 Trang thiết bị an toàn: Trang bị đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cao tốc QCVN 54: 2019/BGTVT.

2.2.9 Trang thiết bị tín hiệu: Trang bị đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cao tốc QCVN 54: 2019/BGTVT.

2.5. Màu sắc:

- Cabin (kín hoặc hở): Màu trắng;

- Phần thân tàu trên đường nước: Màu vàng da cam;

- Phần thân tàu dưới đường nước: Màu xanh lam sẫm.

2.6. Xe kéo (đà kéo) chở xuồng

a) Xe kéo (đà kéo) được đặt trên khung gầm bằng thép với kết cấu và hình dạng phù hợp với kích thước xuồng, đảm bảo các yêu cầu sau:

- Không gây hư hại, hỏng lớp sơn bảo vệ xuồng;

- Có kích thước phù hợp, không lớn quá sẽ ảnh hưởng đến không gian cất trữ, cũng như gây cồng kềnh, khó khăn trong việc vận chuyển từ nơi cất trữ đến khu vực cần sử dụng;

- Khung xe được bảo quản trong kho cùng với xuồng;

- Xe kéo được thiết kế bố trí các bánh xe dẫn hướng, bánh xe chặn để có thể thu hạ xuồng thuận tiện và không bị trầy xước; cố định xuồng chắc chắn vào khung xe kéo, xung quanh khung xe có bố trí các móc để giằng tăng đơ và cáp kéo.

b) Hệ khung gầm, hệ dẫn động và chằng giữ xe phải đáp ứng theo quy định tại điểm 2.6.3, khoản 2.6 Mục 2 QCVN 08:2018/BTC

3. Yêu cầu về nghiệm thu xuồng sau khi hoàn thiện

Cục Dự trữ Nhà nước phối hợp với nhà thầu, các Chi Cục Dự trữ Nhà nước khu vực nhập xuồng thực hiện nghiệm thu xuồng sau khi hoàn thiện (nhà thầu có trách nhiệm thông báo đến Cục Dự trữ Nhà nước thời gian tối thiểu 10 ngày trước thời điểm tiến hành nghiệm thu một số lượng xuồng giao nhận). Nội dung nghiệm thu: Kiểm đếm số lượng và kiểm tra tài liệu do cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp đối với từng xuồng sau khi hoàn thiện (tại nơi sản xuất hoặc địa điểm do nhà thầu bố trí), cụ thể xuồng phải đã được cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp các giấy tờ sau:

- Bản vẽ, thuyết minh và giấy chứng nhận thẩm định thiết kế do Tổ chức đăng kiểm phê duyệt.

- Hồ sơ đăng kiểm cấp cho xuồng do Tổ chức đăng kiểm cấp, trong đó phải bao gồm: Các giấy chứng nhận (Giấy chứng nhận phân cấp, giấy chứng nhận an toàn tàu cao tốc, Giấy chứng nhận ngăn ngừa ô nhiễm dầu, Giấy chứng nhận mạn khô, Giấy chứng nhận dung tích) và tài liệu hướng dẫn xuồng.

Sau khi hoàn thành nghiệm thu xuồng, các bên lập biên bản nghiệm thu.

4. Yêu cầu về kiểm tra hàng hóa khi nhập kho:

Các Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực nêu tại Mục 1 Chương này thực hiện các nội dung kiểm tra như sau:

4.1. Kiểm tra hồ sơ kỹ thuật

4.1.1. Giấy tờ do đơn vị cung cấp hàng cung cấp

a) Đối với xuồng sản xuất trong nước:

- Bản vẽ, thuyết minh và giấy chứng nhận thẩm định thiết kế do Tổ chức đăng kiểm phê duyệt.

- Hồ sơ đăng kiểm cấp cho xuồng do Tổ chức đăng kiểm cấp, trong đó phải bao gồm: Các giấy chứng nhận (Giấy chứng nhận phân cấp, giấy chứng nhận an toàn tàu cao tốc, Giấy chứng nhận ngăn ngừa ô nhiễm dầu, Giấy chứng nhận mạn khô, Giấy chứng nhận dung tích) và tài liệu hướng dẫn xuồng.

- Phiếu bảo hành hoặc văn bản cam kết bảo hành.

- Tài liệu của nhà sản xuất hướng dẫn sử dụng máy (động cơ) và thiết bị lắp đặt trên xuồng của nhà sản xuất bằng tiếng Việt Nam (trường hợp tài liệu hướng dẫn bằng tiếng nước ngoài thì phải cung cấp 01 bản dịch sang tiếng Việt Nam được công chứng hoặc chứng thực).

b) Đối với xuồng nhập khẩu

Ngoài các giấy tờ quy định tại điểm a nêu trên, đơn vị cung cấp xuồng cung cấp thêm các giấy tờ sau:

- Tờ khai hải quan đã được thông quan nhập khẩu xuồng theo quy định của pháp luật;

- Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) xuồng do cơ quan có thẩm quyền cấp

Trường hợp các giấy chứng nhận, tài liệu do Tổ chức Đăng kiểm Việt Nam cấp nêu trên được Bộ, cơ quan chuyên ngành điều chỉnh thì thực hiện điều chỉnh theo quy định hiện hành.

4.1.2 Hồ sơ do đơn vị dự trữ quốc gia phối hợp với đơn vị cung cấp hàng thực hiện.

- Biên bản kiểm tra hồ sơ kỹ thuật;

- Biên bản kiểm tra ngoại quan;

- Biên bản kiểm tra vận hành;

- Biên bản giao nhận.

4.2. Kiểm tra ngoại quan

- Kiểm tra vỏ xuồng;

- Kiểm tra chủng loại, ký hiệu của máy và số máy để đối chiếu với hồ sơ thiết kế, hồ sơ đăng kiểm;

- Kiểm tra hệ thống điều khiển;

- Kiểm tra các trang thiết bị kèm theo;

- Kiểm tra xe kéo xuồng: Bánh lốp, các cơ cấu cáp kéo nâng hạ xuồng, các puli con lăn trượt của xe kéo xuồng.

- Số lượng xuồng kiểm tra ngoại quan: Toàn bộ số lượng xuồng nhập kho nêu tại Mục 1 Chương này.

4.3. Kiểm tra vận hành (nổ máy)

- Lấy toàn bộ xuồng giao nhận tại điểm kho (quy định tại Mục 1, Chương V) thực hiện nổ máy để kiểm tra sự hoạt động của động cơ, hệ thống bơm làm mát, đèn pha, đèn quay, còi ủ, đèn chiếu sáng, loa, micro...

- Trình tự vận hành nổ máy theo hướng dẫn tại điểm 3.5.3.4 QCVN 08:2018/BTC.

- Kết quả kiểm tra theo bảng sau:

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Đạt	Không đạt
1	Kiểm tra tình trạng hoạt động của động cơ: Trong quá trình vận hành nổ máy, nghe tiếng nổ của động cơ, động cơ hoạt động phải đảm bảo không có tiếng kêu lạ, không có tiếng gõ của chi tiết máy.		
2	Kiểm tra tình trạng hoạt động hệ thống bơm làm mát máy thủy (động cơ): Nước vào và ra khỏi hệ thống làm mát tuần hoàn kín tại thùng nước thử.		
3	Kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống đèn (ghi cụ thể các loại đèn trang bị trên xuồng): Trong quá trình nổ máy vận hành xuồng khi bật các loại đèn lên phải hoạt động bình thường.		
4	Kiểm tra tình trạng hoạt động của còi, loa, micrô: Trong quá trình vận hành nổ máy xuồng, còi, loa, micrô hoạt động bình thường (loa phát nghe rõ, có tín hiệu còi, micro nói nghe rõ).		

4.3.3 Kết quả kiểm tra vận hành (nổ máy)

- Đối với xuồng vận hành nổ máy: Trường hợp sau kiểm tra vận hành nổ máy có chỉ tiêu chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu của hợp đồng, Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực yêu cầu đơn vị cung cấp khắc phục. Nếu đơn vị cung cấp khắc phục và kiểm tra lại đáp ứng yêu cầu thì được chấp thuận đạt yêu cầu; nếu đơn vị cung cấp không khắc phục được, Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực lập biên bản không chấp nhận lô hàng.

- Lô hàng được chấp nhận đạt yêu cầu khi các chỉ tiêu kiểm tra đã đáp ứng yêu cầu của hợp đồng.

Sau khi hoàn hiện kiểm tra vận hành, các bên phối hợp lập biên bản kiểm tra vận hành xuồng. Trường hợp lô hàng được chấp nhận, các Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực phối hợp với nhà thầu tiến hành nhập kho theo quy định.

5. Yêu cầu về bảo hành

a) Thời gian bảo hành: Tối thiểu 36 tháng tính từ ngày ký biên bản giao nhận đối với xuồng nhập kho dự trữ quốc gia hoặc 1.500 h (giờ) hoạt động tùy điều kiện nào đến trước.

b) Kiểm tra trước thời gian hết hạn bảo hành: Trước thời gian hết hạn bảo hành 3 tháng, đơn vị dự trữ quốc gia tiến hành kiểm tra ngoại quan (theo quy định tại điểm 3.3.2 QCVN 08:2018/BTC) và kiểm tra vận hành nổ máy (theo quy định tại điểm 3.5.3.4 QCVN 08:2018/BTC) đối với toàn bộ số lượng xuồng. Trường hợp có sự cố kỹ thuật, đơn vị dự trữ quốc gia thông báo để đơn vị cung cấp hàng kiểm tra, khắc phục (nếu có).

c) Toàn bộ chi phí cho việc thay thế, sữa chữa, bảo dưỡng, khắc phục các hư hỏng, khuyết tật (lỗi sản xuất) trong thời gian bảo hành do nhà thầu chịu.

6. Yêu cầu khác

Sau khi giao nhận, nhà thầu có trách nhiệm hướng dẫn trực tiếp cho thủ kho, kỹ thuật viên bảo quản tại các điểm kho nhập xuồng thực hiện vận hành các trang thiết bị trên xuồng và những lưu ý trong quá trình bảo quản để đảm bảo chất lượng xuồng lưu kho.

7. Bản vẽ

E-HSMT không có bản vẽ./.